

Số: 28/2015/TTLT-BGDDT-BNV

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của
Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực
lượng vũ trang; Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP
ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ,
công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày
19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ
tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo
dục đại học;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn
thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng
dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập như sau:*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức
danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy theo quy định tại Thông tư liên tịch
số 36/2014/TTLT-BGDDT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV).

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức giảng dạy được quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV.

Điều 2. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận của viên chức.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (trừ trường hợp viên chức giảng dạy được công nhận hoặc bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư theo quy định).

Điều 3. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch giảng viên quy định tại Quyết định số 202/TTCP-VC ngày 08 tháng 6 năm 1994 của Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành giáo dục đào tạo (sau đây viết tắt là Quyết định số 202/TTCP-VC); Quyết định số 538/TCCP-TC ngày 18 tháng 12 năm 1995 của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc thay đổi tên gọi các ngạch công chức giảng dạy và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch trong trường đại học, cao đẳng (sau đây viết tắt là Quyết định số 538/TCCP-TC); Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV ngày 03 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Danh mục các ngạch công chức và ngạch viên chức (sau đây viết tắt là Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV), nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch Giảng viên cao cấp, mã số 15.109.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch Giảng viên chính, mã số 15.110.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 đối với viên chức hiện đang giữ ngạch Giảng viên, mã số 15.111.

Điều 4. Đối với viên chức giảng dạy được công nhận chức danh Giáo sư, Phó giáo sư trước năm 2009 hoặc được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư từ năm 2009 trở đi

1. Đối với viên chức giảng dạy được công nhận hoặc bổ nhiệm chức danh Giáo sư:

a) Trường hợp đã được bổ nhiệm ngạch Giáo sư - Giảng viên cao cấp, mã số 15.109 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01;

b) Trường hợp đang giữ ngạch Giảng viên cao cấp, mã số 15.109 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01 và được xếp lương lên một bậc trên liền kề của bậc lương chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm;

c) Trường hợp đang giữ ngạch Phó giáo sư - Giảng viên chính, mã số 15.110 thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01.

2. Đối với viên chức giảng dạy được công nhận hoặc bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư thì được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01.

3. Việc xếp lương đối với trường hợp quy định tại Điều c Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2007/TT-BNV).

4. Chính sách lương đối với viên chức giảng dạy có chức danh Giáo sư theo quy định tại Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học được hướng dẫn tại một văn bản khác.

Điều 5. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính (hạng II) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

2. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định tại Quyết định số 202/TTCP-VC, Quyết định số 538/TCCP-TC, Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được thực hiện như sau:

Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A đã xếp ngạch Giảng viên, mã số 15.111, bậc 4, hệ số lương 3,33 kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014. Nay được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 thì xếp bậc 4, hệ số lương 3,33 của chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III) kể từ ngày ký quyết định; thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2014.

3. Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giảng dạy được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDDT-BNV và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định tại Quyết định số 202/TCCP-VC; Quyết định số 538/TCCP-TC; Quyết định số 78/2004/QĐ-BNV, nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDDT-BNV thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử

dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy được bổ nhiệm.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu các cơ sở giáo dục đại học công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hoặc quyết định theo thẩm quyền được phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy tương ứng theo thẩm quyền hoặc theo thẩm quyền được phân cấp, ủy quyền.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giảng dạy thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV và Thông tư liên tịch này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy tương ứng theo thẩm quyền. Đối với các trường hợp bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp (hạng I) thì có văn bản đề nghị Bộ Nội vụ quyết định;

d) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy thuộc phạm vi quản lý về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2015.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư liên tịch này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NỘI VỤ
THỦ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỦ TRƯỞNG



Bùi Văn Ga

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, Thứ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ;
- Ủy ban quốc gia Đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Hội đồng danh danh Giáo sư nhà nước;
- Công đoàn giáo dục Việt Nam;
- Hội Cựu giáo chức Việt Nam;
- Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;
- Hiệp hội Thiết bị giáo dục Việt Nam;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- Sở GDĐT, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ sở giáo dục đại học công lập;
- Công thông tin điện tử của Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ;
- Lưu: Bộ GDĐT (VT, Cục NGCBQLGD); Bộ Nội vụ (VT, Vụ CCVC).